

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16-8-2019
V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lò Việt Huân.
2. Bà Cầm Thị Đoạ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Lệ Giang – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 về việc: Xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/QĐXX-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ngân Thị N, sinh năm 1986. Địa chỉ: Bản T, xã S, huyện V, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Hồng T (tên gọi khác Lê Trọng K), sinh năm 1974. Địa chỉ: Tiểu khu 13, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La.

Hiện đang chấp hành án tại Đội 7, phân trại số 1, Trại giam T, thành phố H. Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện T, thành phố H. Có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Ngân Thị N trình bày:

Chị và anh Lê Hồng T kết hôn với nhau ngày 14/02/2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống, hòa thuận hạnh phúc thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T ham chơi, nghiện ma túy, không chăm lo xây dựng gia đình. Mâu thuẫn đã được gia đình và chính quyền địa phương khuyên giải nhiều lần. Ngày 25/10/2016 bị Tòa án nhân dân huyện M,

tỉnh Sơn La xử 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn anh T.

Về con chung, về tài sản chung, về vay nợ chung: Điều không có.

Về án phí: Chị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn anh Lê Hồng T trình bày: Anh xác nhận về quan hệ hôn nhân và công nhận mâu thuẫn vợ chồng như chị N trình bày, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và về việc ly hôn anh nhất trí.

Về con chung, về tài sản chung, về vay nợ chung: Không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Ngân Thị N được ly hôn với anh Lê Hồng T.
2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.
3. Về án phí: Chị Ngân Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các yêu cầu cho việc khởi kiện. Bị đơn anh Lê Hồng T sau khi nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã khai trình bày nguyện vọng, anh Lê Hồng T yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định của khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ để xét xử vắng mặt anh Lê Hồng T.

Chị Ngân Thị N đề nghị không hòa giải, Tòa án đã lập biên bản không hòa giải được theo quy định khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu,

mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do anh T không chăm lo xây dựng gia đình, đi vào con đường nghiện ma túy, dẫn đến phạm tội, hiện đang chấp hành hình phạt tù, mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị N và anh T đã thực sự trầm trọng, kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị N yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị Ngân được ly hôn anh T.

[3] Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung: Hai anh chị đều xác định không có.

[4] Về án phí: Chị Ngân Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Toà án:

1. Xử cho chị Ngân Thị N được ly hôn với anh Lê Hồng T.

2. Về án phí:

Chị Ngân Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002028 ngày 16/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sơn La.

Chị Ngân Thị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 16/8/2019.

Anh Lê Hồng T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND thị trấn M, huyện M (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Trung Kiên